TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 298/2026/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2026/TLST-VHNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1986; số căn cước công dân: 075186003457; địa chỉ: Số A, ĐX06, tổ D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Bùi Xuân M, sinh năm 1982; số căn cước công dân: 038082023971; địa chỉ: Số A, ĐX06, tổ D, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/5/2026, ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N đều thừa nhận do khác biệt quan điểm, lối sống, tính cách nên trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, không có sự tôn trọng lẫn nhau, không khí trong gia đình luôn căng thẳng, nặng nề. Đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn và không thể hàn gắn nên, ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông M và bà N có 03 (Ba) con chung là cháu Bùi Ngọc T, sinh ngày 15/01/2005; Bùi Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2011 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 20/10/2021. Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N thỏa thuận

giao con chung tên là Bùi Ngọc N1, Bùi Ngọc T1 cho bà Dương Thị N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với Bùi Ngọc T đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về cấp dư ỡng nuôi con chung Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí do ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0027627 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Ngọc N1, sinh ngày 31/8/2011 và Bùi Ngọc T1, sinh ngày 20/10/2021 cho bà Dương Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Đối với Bùi Ngọc T đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ hết vào số tiền tạm ứng lệ phí

do ông Bùi Xuân M và bà Dương Thị N đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0027627 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã X, tỉnh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 121/2004 ngày 21/7/2004)
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ái Ngân